

Số ~~74~~ /2012/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 12 tháng 12 năm 2012

26 12 2

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
cho các công trình thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số: 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số: 800/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số: 695/QĐ-TTg ngày 8 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc, cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 162/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho các công trình thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013- 2020;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho các công trình thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013- 2020, như sau:

1. Phạm vi áp dụng: Các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trong Chương trình xây dựng nông thôn mới bao gồm: Giao thông, xây dựng dân dụng, công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt và một số công trình phụ trợ khác phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- Việc đầu tư các hạng mục trong xây dựng nông thôn mới phải thực hiện theo quy hoạch xã nông thôn mới của xã đã được cấp huyện phê duyệt.



- Trong giai đoạn 2013 - 2015, nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân tập trung cho 40 xã điểm xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Việc lựa chọn công trình cụ thể, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư của từng công trình do chính người dân địa phương bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định trên cơ sở quy chuẩn của Nhà nước, khả năng huy động nguồn lực đầu tư.

- Việc triển khai các hạng mục cơ sở hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới dựa vào nội lực của cộng đồng địa phương, Nhà nước hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trực tiếp cho xã để tổ chức thực hiện.

- Xây dựng định mức hỗ trợ chia 2 vùng khác nhau căn cứ theo tỷ lệ hộ nghèo và mức độ khó khăn trên địa bàn:

+ Đối với các xã, thuộc huyện nghèo nằm trong Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ (huyện 30a) và các xã, thôn thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

+ Đối với các xã, thôn còn lại.

- Đối với các nguồn lực do tổ chức, cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực trên phải thực hiện theo định mức tại quy định này và hạch toán ghi thu, ghi chi để quản lý qua ngân sách nhà nước.

3. Đối tượng và mức hỗ trợ:

3.1. Các công trình được hỗ trợ 100% từ ngân sách Nhà nước:

Không phân biệt các vùng, bao gồm các công trình xây dựng: Trụ sở xã, trường học; trạm y tế; trạm biến áp; trung tâm văn hóa xã; các công trình trên kênh; các công trình trên đường như cầu, cống, đập tràn.

3.2. Các công trình Nhà nước và nhân dân cùng làm:

a) Đối với các xã thuộc huyện 30a và các xã, thôn thuộc vùng đặc biệt khó khăn:

- Hỗ trợ 100% chi phí trực tiếp công trình, bao gồm các nội dung: Chi phí vật liệu; chi phí máy thi công; chi phí nhân công; chi phí giám sát công trình (chi trả cho ban giám sát thôn, xã).

- Không hỗ trợ cho các nội dung sau: Chi phí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; chi phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật; chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; chi phí tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình; chi phí khởi công, khánh thành, tuyên truyền quảng cáo; chi phí tổ chức thực hiện các công việc quản lý khác.

- Áp dụng cho các công trình cụ thể sau: Đường giao thông thôn xóm, bề rộng mặt đường từ 2,0 m - 4,0 m; hệ thống kênh mương áp dụng cho loại kênh 30 x 30 cm, 30 x 40 cm, 40 x 40 cm; công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; công trình văn hóa, thể thao xã và thôn, điện nông thôn.

b) Đối với xã, thôn còn lại trên địa bàn tỉnh



- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 75% chi phí trực tiếp công trình để ưu tiên tập trung cho chi phí vật liệu, các chi phí khác khi địa phương huy động được sự đóng góp tối thiểu 25% chi phí trực tiếp. Địa phương nào huy động được mức đóng góp cao hơn sẽ ưu tiên cho tổ chức thực hiện trước.

- Không hỗ trợ cho các nội dung sau: Chi phí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; chi phí thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật; chi phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình; chi phí tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình; chi phí khởi công, khánh thành, tuyên truyền quảng cáo; chi phí tổ chức thực hiện các công việc quản lý khác.

- Áp dụng các công trình cụ thể sau: Đường giao thông thôn xóm, bề rộng mặt đường từ 2,0 m – 4,0 m; hệ thống kênh mương áp dụng cho loại kênh 30 x 30 cm, 30 x 40 cm, 40 x 40 cm. Công trình cấp nước sạch, thoát nước thải khu dân cư; công trình văn hóa, thể thao xã và thôn, điện nông thôn.

3.3. Đối với các hạng mục hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình

Hỗ trợ cho các hộ nghèo 100% chi phí xi măng theo định mức (bao gồm tiền mua và cước vận chuyển đến trung tâm xã) để thực hiện các hạng mục: Đường vào hộ gia đình, bể nước, nhà vệ sinh, nhà tắm, chuồng chăn nuôi gia súc, lán bó nền nhà.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVI - Kỳ họp thứ Sáu thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: NN & PTNT; Xây dựng; Giao thông VT; Văn hóa - Thể thao - Du lịch;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIII tỉnh Hà Giang;
- UBMTTQVN tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - VP Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Chuyên viên HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Vương Mí Vàng



ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2012/NQ- HĐND 12/12/2012 của HĐND tỉnh Hà Giang)

Số TT	Hạng mục / Quy định	Định mức hỗ trợ		Ghi chú
		Xã thuộc khu vực 30a và xã, thôn thuộc vùng 135	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
		Định mức hỗ trợ/chi phí trực tiếp công trình	Định mức hỗ trợ/chi phí trực tiếp công trình	
I	ĐƯỜNG GIAO THÔNG			
1	Đường đến trung tâm xã, trục liên thôn, bề rộng mặt bê tông Bm= 4,0m	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	Thiết kế dự toán
	Bề rộng nền: Bn=5,0m (chưa kể rãnh dọc)			
	Chiều dày: H=18cm			
	Mác BT: M200			
2	Đường trục thôn, liên thôn, xóm bề rộng mặt bê tông Bm= 3,5m	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Bề rộng nền: Bn=4,5m (chưa kể rãnh dọc)			
	Chiều dày: H=18cm			
	Mác BT: M200			
3	Đường trục thôn, liên thôn, xóm bề rộng mặt bê tông Bm= 3,0m	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Bề rộng nền: Bn=4,0m (chưa kể rãnh dọc)			
	Chiều dày: H=14cm			
	Mác BT: M200			
4	Đường trục thôn, liên thôn, xóm bề rộng mặt bê tông Bm= 2,5m	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Bề rộng nền: Bn=3,5m (chưa kể rãnh dọc)			
	Chiều dày: H=14cm			
	Mác BT: M200			
5	Đường trục thôn, liên thôn, xóm mặt đường lát đá	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Cấu tạo mặt đường: Sử dụng đá hộc (15x25)cm, đá ba (10x20) cm làm vỉa; đá ba, đá dăm 4x6 cm để lát mặt đường. (tùy theo chiều dày lớp mặt để chọn kích cỡ đá phù hợp)			
	Lát bằng đá hộc vữa xi măng mác 100.			
	+ Đường cấp A			
	Bề rộng mặt: Bm=3,5m (chưa kể bề rộng nền đường)	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Chiều dày lớp mặt: H=20cm			
	+ Đường cấp B			
	Bề rộng mặt: Bm=3,0m (chưa kể bề rộng nền đường)	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Chiều dày lớp mặt: H=12cm			
	+ Đường cấp C			
	Bề rộng mặt: Bm=2,5m (chưa kể bề rộng nền đường)	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Chiều dày lớp mặt: H=12cm			



Số TT	Hạng mục / Quy định	Định mức hỗ trợ		Ghi chú
		Xã thuộc khu vực 30a và xã, thôn thuộc vùng 135	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
		Định mức hỗ trợ/chi phí trực tiếp công trình	Định mức hỗ trợ/chi phí trực tiếp công trình	
6	Rãnh thoát nước dọc đường	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	Thiết kế dự toán
	Rãnh dọc hình thang xây đá hộc VXM mác 75 kích thước: Dày 20cm, chiều sâu thoát nước 40cm			
7	Cầu bản (dài ≤ 6m)	100%		
	- Bản cầu:			
	+ Chiều dày H=25cm			
	+ Mác BT: M200			
	- Mố cầu: Xây đá hộc VXM mác 100			
	- Móng cầu bê tông mác 250			
8	Cống	100%		
	+ Cổng bản			
	- Chiều dày: H= 15cm			
	- Mác BT: M200			
	+ Cổng tròn			
	Đường kính Φ: 1,0 m			
	+ Khẩu độ 1 đốt cống: 1,0 m			
	+ Chiều dày H =10cm			
	+ Mác BT: M200			
	Đường kính Φ: 0,75 m			
	+ Khẩu độ 1 đốt cống: 1,0 m			
	+ Chiều dày H =8cm			
	+ Mác BT: M200			
9	Đường vào liên hộ gia đình loại 2m (có chiều dài ≥ 300m).	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	Lập dự toán
	Bề mặt đường: Bm=2,0m			
	Bề rộng lề đường 2 bên mỗi bên tối thiểu: Bl=0,5m			
	Chiều dày: H=14cm			
	Mác BT: M200			
	Lót: Hm=10cm (Bê tông mác thấp)			
II	KÊNH MUÔNG	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
	Cấu tạo chung			
	+ Đáy: Mác M200, dày = 15cm			
	+ Thành: Mác M200, dày = 15cm			
1	- Mặt cắt 30x30cm			
2	- Mặt cắt 30x40cm			
3	- Mặt cắt 40x40cm			
III	ĐẬP ĐẦU MỐI, CÔNG TRÌNH TRÊN KÊNH	100%		Bảo cáo kinh tế kỹ thuật
IV	TRỤ SỞ UBND XÃ	100%		
V	TRƯỜNG HỌC	100%		
VI	TRẠM Y TẾ XÃ	100%		
VII	TRẠM BIẾN ÁP	100%		
VIII	NHÀ VĂN HOÁ XÃ	100%		
IX	CẤP NƯỚC SẠCH	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
X	THOÁT NƯỚC THẢI KHU DÂN CƯ	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
XI	ĐƯỜNG ĐIỆN 0,4 KV	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	



Số TT	Hạng mục / Quy định	Định mức hỗ trợ		Ghi chú
		Xã thuộc khu vực 30a và xã, thôn thuộc vùng 135	Các xã còn lại trên địa bàn tỉnh	
		Định mức hỗ trợ/chi phí trực tiếp công trình	Định mức hỗ trợ/chi phí trực tiếp công trình	
XII	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA THÔN			
1	Nhà văn hóa	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	Thiết kế định hình (Sơ Xây dựng lập)
	Nhà cấp IV, 5 gian, diện tích tối thiểu 90m2			
	Nhà sàn 3 gian 2 trái			
2	Cổng làng văn hóa	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	Thiết kế dự toán
	- Khẩu độ lưu thông tối thiểu: Chiều rộng 6,0m, cao 4,5m (phù hợp với vị trí đặt cổng và văn hóa đặc trưng của làng).			
XIII	CÁC CÔNG TRÌNH THỂ THAO THÔN BẢN	100%	Hỗ trợ tối đa 75%	
XIV	HỖ TRỢ TRỰC TIẾP HỘ GIA ĐÌNH BẢNG XI MĂNG			
1	Đường vào hộ gia đình bề rộng 1,5m (Chiều dài tối đa 50m)	50kg xi măng/1m dài		Chi hỗ trợ cho hộ nghèo
	Bề mặt đường: Bm=1,5m			
	Bề rộng lề đường 2 bên mỗi bên tối thiểu: Bl=0,5m			
	Chiều dày: H=10cm			
	Mác BT: M200			
2	Đường vào hộ gia đình bề rộng 1,0 m (Chiều dài tối đa 50m)	36kg xi măng/1m dài		
	Bề rộng mặt đường: Bm=1,0m			
	Chiều dày: H=10cm			
	Mác BT: M200			
3	Bể nước (từ 3m ³ đến 6m ³ đối với vùng thấp và vùng cao núi đất, từ 6m ³ đến 10m ³ đối với các huyện vùng cao núi đá)	100Kg xi măng/m ³		
4	Chuồng chăn nuôi gia súc	500Kg xi măng/hộ		
5	Nhà vệ sinh	400Kg xi măng/hộ		
6	Nhà tắm	400/Kg xi măng/hộ		
7	Láng và bó nền nhà (tối đa 90m ²)	15Kg xi măng/m ²		

